**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NẤM VIỆT NAM**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NẤM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MUSHROOM VIET NAM TRADING PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108089821

**3. Ngày thành lập:** 12/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 45, ngõ 1, phố Tấn Ấp, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0993451991* Fax:

Email: Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1. | Xây dựng công trình công ích | *4220* |
| 2. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | *4290* |
| 3. | Phá dỡ | *4311* |
| 4. | Chuẩn bị mặt bằng | *4312* |
| 5. | Lắp đặt hệ thống điện | *4321* |
| 6. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | *4322* |
| 7. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | *4329* |
| 8. | Hoàn thiện công trình xây dựng | *4330* |
| 9. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | *4390* |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | *4620* |
| 11. | Bán buôn gạo | *4631* |
| 12. | Bán buôn thực phẩm | *4632* |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | *4663* |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | *4711* |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | *4719* |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh | *4721* |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh | *4722(Chính)* |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | *4752* |
| 19. | Chế biến và bảo quản rau quả | *1030* |

| | | |
|---|---|---|
| 20. | Xây dựng nhà các loại | *4100* |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | *4210* |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh | *4753* |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | *4759* |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ | *4781* |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | *8299* |
| 26. | Trồng lúa | *0111* |
| 27. | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác | *0112* |
| 28. | Trồng cây lấy củ có chất bột | *0113* |
| 29. | Trồng cây mía | *0114* |
| 30. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh | *0118* |
| 31. | Trồng cây hàng năm khác | *0119* |
| 32. | Trồng cây ăn quả | *0121* |
| 33. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu | *0128* |
| 34. | Trồng cây lâu năm khác | *0129* |
| 35. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp | *0130* |
| 36. | Chăn nuôi trâu, bò | *0141* |
| 37. | Chăn nuôi lợn | *0145* |
| 38. | Chăn nuôi gia cầm | *0146* |
| 39. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp | *0150* |
| 40. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | *0161* |
| 41. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi | *0162* |
| 42. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch | *0163* |
| 43. | Khai thác thuỷ sản nội địa | *0312* |
| 44. | Nuôi trồng thuỷ sản nội địa | *0322* |
| 45. | Sản xuất giống thuỷ sản | *0323* |
| 46. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt | *1010* |
| 47. | Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản | *1020* |
| 48. | đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật | *Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam* |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ĐỖ THỊ VÂN | thôn Lã Xá, Xã Cẩm Ninh, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Tổng số | 19.000 | 190.000.000 | 19,000 | 033191000221 | |
| | | | Cổ phần phổ thông | 19.000 | 190.000.000 | 19,000 | | |
| 2 | HỒ MẠNH QUÂN | Nhà liền kề A10, tập thể 8/3, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 | 012894848 | |
| | | | Tổng số | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 | | |
| 3 | GIÁP VĂN VŨ | thôn Dốc, Xã Phương Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 51.000 | 510.000.000 | 51,000 | 121957121 | |
| | | | Tổng số | 51.000 | 510.000.000 | 51,000 | | |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)* | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

***** Họ và tên: GIÁP VĂN VŨ Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/07/1991* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *121957121*

Ngày cấp: *28/11/2014* Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *thôn Dốc, Xã Phương Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 45, ngõ 1, phố Tân Ấp, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội